

Bản án số: 12/2022/DS-ST

Ngày: 20/5/2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Lam và ông Trịnh Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phàng Mỹ N** – sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ x, Ấp y, xã P.V, huyện Đ.Q, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Lương Tú T** – sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp T.L 2, xã P.T, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Đinh Thị Thúy Hà** – sinh năm 1984 (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 29/10/2020)

Địa chỉ: Khu z, thị trấn T.P, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N, bà Hà có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 8 năm 2020, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phàng Mỹ N trình bày:

Bà Phàng Mỹ N có mối quan hệ quen biết bà Lương Tú T. Năm 2017, bà N có bán cho bà T tài sản là 08 (Tám) tấn bông để bà T làm chổi đốt, thời điểm này bông có giá 24.000đ (Hai mươi bốn nghìn đồng)/kg, các bên thỏa thuận bà T sẽ trả tiền cho bà N theo giá thị trường vào thời điểm sau khi bà T làm xong thành sản phẩm. Tuy nhiên cho đến thời điểm tháng 7/2018, sau khi bà T đã làm xong số bông thành chổi đốt và đã bán lấy tiền nhưng vẫn không trả tiền cho bà N, nên bà N và bà

T có thỏa thuận lập văn bản “Giấy mượn tiền” đề ngày 26/9/2019 có nội dung bà N xác nhận nợ đối với 08 (Tám) tấn bông hẹ đến tháng 11/2019 trả theo giá thị trường, ngoài ra bà T còn nhận nợ của bà N số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) với thời hạn trả sau 02 (Hai) ngày.

Đối với 08 (Tám) tấn bông tại thời điểm tháng 11/2019 là 32.000đ (Ba mươi hai nghìn đồng)/kg tương ứng số tiền 256.000.000đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng), bà T nhiều lần yêu cầu nhưng bà N chưa trả số tiền này.

Sau đó, bà N có đơn đề nghị giải quyết đến Ủy ban nhân dân xã P.T, quá trình làm việc thì bà T có thừa nhận giữ của bà 08 tấn bông tương ứng số tiền 256.000.000đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng); đối với việc bà T cho rằng chỉ đồng ý trả cho bà N số tiền 61.000.000đ (Sáu mươi một triệu đồng) vì đã trả cho bà N tổng cộng số tiền 195.000.000đ (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng) trong 14 tháng (mỗi tháng là 14.000.000đ x 13 tháng và tháng cuối cùng trả 13.000.000đ) thì bà N không đồng ý, vì bà T chưa trả số tiền nào cho bà N. Đối với số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), do bà T đã trả xong nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì vậy, bà N khởi kiện với nội dung yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền là 256.000.000đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng). Ngoài ra, bà N không có yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản đối chất, bị đơn bà Lương Tú T trình bày:

Bà T thừa nhận khoảng đầu năm 2018 bà có nhận của bà N tài sản là 08 (Tám) tấn bông để bà T làm chổi đót, các bên thỏa thuận bà T sẽ trả tiền cho bà N theo giá thị trường vào thời điểm sau khi bà T làm xong thành sản phẩm. Sau khi làm xong chổi thì bà T đã bán hết.

Bà T thừa nhận, đồng ý trả cho bà N đối với số tiền 256.000.000đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng) tương ứng giá thị trường của 08 (Tám) tấn bông tại thời điểm tháng 11/2019. Bà không có yêu cầu phản tố.

Bà T đề nghị Tòa án xem xét việc bà đã thanh toán cho bà N tổng cộng số tiền 195.000.000đ (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng) trong 14 tháng (mỗi tháng là 14.000.000đ x 13 tháng và tháng cuối cùng trả 13.000.000đ), như vậy bà T chỉ còn nợ và có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 61.000.000đ (Sáu mươi một triệu đồng); tuy nhiên bà thừa nhận không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

Đối với “Giấy mượn tiền” đề ngày 26/9/2019, bà T không thừa nhận là chữ ký, chữ viết của bà T ký xác nhận; tuy nhiên do các bên đã thống nhất nội dung bà có giữ 08 (Tám) tấn bông của bà N để làm chổi đót nên bà không yêu cầu giám định chữ ký chữ viết đối với tài liệu, chứng cứ này. Đối với số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 26/9/2019, bà T đã trả nợ xong cho bà N.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho bị đơn. Các đương sự không có ý kiến gì khác đối với các tài liệu, chứng cứ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập

đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bà N, bà Hà có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho Ngõ số tiền 256.000.000đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng).

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Lương Tú T có nơi cư trú tại xã P.T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng: Bà Phòng Mỹ N khởi kiện yêu cầu bà Lương Tú T có nghĩa vụ trả tiền mua bán tài sản. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà N là người khởi kiện bà T nên xác định tư cách đương sự bà N là nguyên đơn, bà T là bị đơn. Tư cách đương sự được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Bị đơn thừa nhận đầu năm 2018 thì các bên có mua bán tài sản; theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 26/9/2019, các bên có hẹn vào tháng 11/2019 thì bà N trả nợ tiền vay và tiền mua bán tài sản cho bà T theo giá thị trường. Đến ngày 11/8/2020, nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự và Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn bà T vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Bà N khởi kiện với nội dung yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền là 256.000.000đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng).

[2.1] Các đương sự thừa nhận, thống nhất bà N có bán cho bà T tài sản là 08 (Tám) tấn bông để bà T làm chổi đốt, các bên thỏa thuận bà N có trách nhiệm trả

tiền cho bà T vào tháng 11/2019 theo giá thị trường là 256.000.000đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Đối với tài liệu, chứng cứ là “Giấy mượn tiền” đề ngày 26/9/2019 do bà T giao nộp, bà T không thừa nhận là chữ ký, chữ viết của bà T ký xác nhận. Tuy nhiên, xét thấy các đương sự đã khai thống nhất nội dung vụ án về việc bà T có giữ 08 (Tám) tấn bông của bà N để làm chổi đốt và bà N có trách nhiệm trả tiền cho bà T vào tháng 11/2019 theo giá thị trường là 256.000.000đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng), các đương sự không yêu cầu giám định chữ ký chữ viết đối với tài liệu, chứng cứ này; vì vậy việc mua bán tài sản với số lượng, giá trị cụ thể là có thật và là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh nên không cần trưng cầu giám định theo quy định tại Điều 92 và Điều 102 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 26/9/2019, các đương sự xác định bà T đã trả nợ xong cho bà N, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy, đối với việc mua bán tài sản là giao dịch dân sự do các bên bà N và bà T tự nguyện ký kết, có năng lực hành vi dân sự, mục đích và hình thức giao dịch phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 430 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà T thừa nhận, đồng ý trả cho bà N đối với số tiền 256.000.000đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng) tương ứng giá thị trường của 08 (Tám) tấn bông tại thời điểm tháng 11/2019, tuy nhiên do các đương sự không thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án nên không thể hòa giải thành.

[2.3] Đối với việc bà T đề nghị Tòa án xem xét việc bà đã thanh toán cho bà N tổng cộng số tiền 195.000.000đ (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng) trong 14 tháng (mỗi tháng là 14.000.000đ x 13 tháng và tháng cuối cùng trả 13.000.000đ), bà T chỉ còn nợ và có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 61.000.000đ (Sáu mươi một triệu đồng): Bà T không có tài liệu chứng cứ chứng minh và không được bà N thừa nhận, do đó không có căn cứ, cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Đối với nghĩa vụ thực hiện, bà T đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự nên nguyên đơn bà N khởi kiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

[5] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với nghĩa vụ trả số tiền nợ mua bán tài sản chưa thanh toán là có cơ sở để chấp nhận. Do nguyên đơn không yêu cầu khởi kiện đối với nghĩa vụ trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu $256.000.000đ \times 5\% = 12.800.000đ$ (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho bà N số tiền 6.400.000đ (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí.

[7] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 117, Điều 357, Điều 385, Điều 401, Điều 429, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phàng Mỹ N về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” đối với bị đơn bà Lương Tú T.

Buộc bà Lương Tú T có nghĩa vụ trả cho bà Phàng Mỹ N số tiền 256.000.000đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Lương Tú T phải chịu 12.800.000đ (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho bà N số tiền 6.400.000đ (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003721 ngày 15/10/2020 và của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng